TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-ST.
Ngày: 26 - 01 - 2024.
V/v "Kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Giang San.

Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc "Kiện đòi tài sản" theo quyết định hoãn phiên tòa số 1305/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông **Võ Ngọc V**, sinh năm 1988.
Địa chỉ thường trú: Tổ E, ấp G, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Hữu P**, sinh năm 1983.
Nơi đăng ký thường trú: ấp Suối Trầu 2, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
Nơi ở hiện nay: Tổ D, ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Ông V đề nghị vắng mặt, ông P1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Ngọc V trình bày:

Ông và ông Nguyễn Hữu p là người quen biết trong xã B. Ngày 15/02/2022 ông P có rủ ông hùn hạp tiền để mua bán đất. Ngày 15/02/2022 ông chuyển khoản cho ông P 100.000.000 đồng và ngày 16/02/2022 chuyển khoản thêm 100.000.000 đồng, tổng cộng 2 lần ông P nhận của ông là 200.000.000 đồng. Sau đó ông P không thực hiện đúng thỏa thuận, nên ngày 07/12/2022 ông P có ký vào biên bản nhận nợ của ông số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn trả nợ: trước ngày 30/4/2023, lãi suất: không. Do ông P bội tín, đến nay ông P không có thiện chí trả tiền theo như biên bản xác nhận nợ.

Ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Thành giải quyết:

+ Buộc ông Nguyễn Hữu P trả cho ông số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng.

+ Buộc ông Nguyễn Hữu P phải trả cho ông số tiền lãi chậm trả từ ngày 01/5/2023 đến ngày 01/01/2024, là 200.000.000đ x 10%/năm x 08 tháng = 13.280.000 đồng. Buộc ông P phải trả cho ông tổng cộng là 213.280.000 đồng.

- Theo bản tự khai ngày 06/7/2023 (thu thập tại hồ sơ vụ án trước đây do Tòa án đã đình chỉ giải quyết ngày 06/7/2023) bị đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Vào năm 2022 ông có mua miếng đất diện tích 96,4m^2, có nhà trên đất tại địa chỉ ấp H xã B, huyện L với số tiền 2.300.000.000 đồng. Ông Võ Ngọc V có hùn với ông 200.000.000 đồng mua chung miếng đất. Khoảng một tháng sau ông V không muốn hùn chung nữa, muốn lấy lại số tiền trên, ông V đưa ra nhiều lý do với ông, ông đã rao bán đất nhưng không bán được như giá đã mua. Ông V nói với ông phải trả tiền cho em. Ông V đưa ra điều kiện phải bán đất trả tiền. Trong thời gian qua ông vẫn chưa trả cho ông Vương t nào. Ông xin hứa sẽ trả dần hàng tháng, do điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn. Nay ông xác nhận vẫn còn nợ ông V 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa thực hiện đúng.

Về việc giải quyết vụ án: Ông P và ông V có hùn hạp tiền để mua đất, ông V có chuyển khoản cho ông P số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó ông P không thực hiện đúng như thoả thuận, nên ôngVương yêu cầu trả lại số tiền đó, do ông P chưa có tiền để trả lại nên ngày 7/12/2022 ông P có ký vào biên bản nhận nợ số tiền là 200.000.000 đồng, cam kết trả nợ hết cho ông V trước ngày 30/4/2023. Tuy nhiên ông P vẫn không thực hiện việc trả tiền. Nay ông V yêu cầu ông P trả nợ gốc là 200.000.000 đồng và trả tiền lãi chậm trả là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng tính từ ngày 01/5/2023 đến ngày 01/01/2024 là 8 tháng như vậy yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật: 200.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 8 tháng =13.280.000 đồng, tổng cộng là 213.280.000 đồng.

Về phía bị đơn ông P xác nhận có làm giấy nhận nợ còn nợ ông V số tiền 200.000.000 đồng và hứa sẽ trả dần hàng tháng 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do điều kiện kinh tế khó khăn nhưng đến nay ông P vẫn chưa trả được số tiền nào cho ông V. Xét thấy lời khai và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, giấy xác nhận nợ giữa ông V và ông P được ký kết vào ngày 07/12/2022 và bản cam kết trả nợ được ký vào ngày 06/7/2023 ông P thừa nhận còn nợ ông V 200.000.000 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, áp dụng Điều 166, 468 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông P trả cho ông V số tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 13.280.000 đồng, tổng là 213.280.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hữu P vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông V và ông P.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định ông Võ Ngọc V là nguyên đơn. Ông Nguyễn Hữu P là bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các bên đương sự đều thừa nhận có việc ông V góp số tiền 200.000.000 đồng với ông P để cùng nhận chuyển nhượng đất nhưng việc chuyển nhượng đất không thành nên ông V yêu cầu ông P trả lại số tiền trên, các bên không lập hợp đồng góp số tiền trên, ông P chỉ lập giấy xác nhận nợ của ông V số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là "Kiện đòi tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26, bị đơn ông P cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông V nhận thấy:

[4.1] Xét việc ông V khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền gốc 200.000.000 đồng: Ông V và ông P thỏa thuận miệng về việc góp tiền để cùng nhận chuyển nhượng đất nên ngày 15/02/2022 ông V đã chuyển khoản cho ông P 100.000.000 đồng và ngày 16/02/2022 ông V đã chuyển khoản cho ông P 100.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng. Sau đó việc chuyển nhượng đất không thành, ông V yêu cầu ông P trả lại số tiền trên nhưng ông P chưa có khả năng trả lại. Ngày 07/12/2022 ông P lập "Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ" có nội dung ông P còn nợ ông V số tiền 200.000.000 đồng, hẹn trả trước ngày 30/4/2023 nhưng từ sau ngày 30/4/2023 ông P vẫn không trả nên vào tháng 5 năm 2023 ông V khởi kiện yêu cầu ông P trả lại tiền, sau khi Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý vụ án, hai bên đến Tòa án làm việc vào ngày 06/7/2023 ông P viết Bản cam kết trả nợ cho ông V nên cùng ngày 06/7/2023 ông V rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tại Bản cam kết trả nợ do ông P lập ngày 06/7/2023 có nội dung: "Tôi xác nhận có nợ anh Võ Ngọc V số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), tôi cam kết trả số tiền trên cho anh V hàng tháng cho đến khi hết số nợ 200.000.000 đồng, cụ thể: Hàng tháng vào ngày 20 tây mỗi lần trả 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Thời gian bắt đầu thực hiện là ngày 20/7/2023. Trong trường hợp tôi không thực hiện cam kết trên anh V có quyền khởi kiện tôi theo quy định pháp luật". Tại bản tự khai ngày 06/7/2023 do Tòa án thu thập tại hồ sơ vụ án trước đây do Tòa án đã đình chỉ giải quyết ngày 06/7/2023 thì ông P cũng thừa nhận số nợ nêu trên và chưa trả được cho ông V khoản nào. Sau đó, ông P vẫn không trả tiền cho ông V nên ông V tiếp tục khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án. Như vậy, việc ông P có nợ ông V số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) là có thật. Ông P hứa hẹn nhiều lần mà vẫn không trả nên đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông V. Do đó, ông V khởi kiện là có căn cứ.

[4.2] Xét việc ông V khởi kiện yêu cầu ông P trả tiền lãi chậm trả từ ngày 01/5/2023 đến ngày 01/01/2024 là 200.000.000đ x 10%/năm x 08 tháng = 13.280.000 đồng: Theo "Biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ" ông P lập ngày 07/12/2022 thì ông P cam kết trả trước ngày 30/4/2023 nhưng từ sau ngày 30/4/2023 ông P vẫn không trả, do đó ông V yêu cầu P trả tiền lãi chậm trả từ ngày 01/5/2023 là có căn cứ. Ông V chỉ yêu cầu tính lãi

chậm trả từ ngày 01/5/2023 đến ngày 01/01/2024 cho tròn 08 tháng nên ghi nhận sự tự nguyện của ông V. Về mức lãi suất chậm trả là 10%/năm, tức là 0,83%/tháng là phù hợp với Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4.3] Từ những phân tích trên, cho thấy ông V khởi kiện yêu cầu ông P trả số tiền 213.280.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông V được chấp nhận nên ông P phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 351, 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Ngọc V. Buộc ông Nguyễn Hữu P phải trả cho ông Võ Ngọc V số tiền 213.280.000 đồng (Hai trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng), trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 13.280.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu P phải chịu 10.664.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND H.Long Thành;
- Chi cục THADS H.Long Thành;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu.

Trần Thị Thanh Hoa